

Số: 327/QĐ-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 21 tháng 06 năm 2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 12,13,14 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 458 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 12,13,14 tháng 6 năm 2020.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trường các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *gh*

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như điều 2 (t/h);
- Lưu: VT, NNTH.



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo QĐ số 327 /QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 26 tháng 6 năm 2020 của

Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT01	Đường Văn	An	02/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
2	CNTT02	Hà Tuấn	Anh	10/07/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
3	CNTT03	Hoàng Văn	Bạch	25/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt
4	CNTT04	Nông Văn	Bạch	03/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
5	CNTT05	Phùng Thiệu	Bân	28/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
6	CNTT06	La Thị	Bền	19/07/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,0	Đạt
7	CNTT07	Hoàng Minh	Chí	24/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,5	Đạt
8	CNTT08	Hoàng Quốc	Diệp	11/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt
9	CNTT09	Lê Anh	Dũng	08/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
10	CNTT10	Liễu Văn	Dũng	02/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt
11	CNTT11	Lao Văn	Duy	19/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
12	CNTT12	Linh Đức	Duy	23/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
13	CNTT13	Nông Văn	Dương	14/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,0	Đạt
14	CNTT14	Hoàng Văn	Điềm	09/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
15	CNTT15	Nông Thu	Diệp	20/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	6,0	Đạt
16	CNTT16	Linh Hồng	Diệp	30/05/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	6,0	Đạt
17	CNTT17	Hoàng Văn	Diệp	05/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt
18	CNTT18	Hoàng Văn	Điều	19/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
19	CNTT19	Liễu Xuân	Định	03/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
20	CNTT20	Phùng Minh	Đông	22/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
21	CNTT21	Lao Văn	Đức	07/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
22	CNTT22	Lộc Trung	Đức	25/06/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt

th

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
23	CNTT23	Hoàng Minh	Đức	05/06/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
24	CNTT24	La Hồng	Giang	06/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	Đạt
25	CNTT25	Đàm Thanh	Hải	16/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
26	CNTT26	Hoàng Thanh	Hào	04/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
27	CNTT27	Triệu Văn	Hậu	08/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
28	CNTT28	Hoàng Hải	Hiên	27/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
29	CNTT29	Hoàng Minh	Hiếu	27/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
30	CNTT30	Đàm Văn	Hiếu	05/05/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
31	CNTT31	Triệu Văn	Hiếu	01/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
32	CNTT32	Lăng Văn	Hiệu	18/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
33	CNTT33	Hoàng Minh	Hòa	20/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
34	CNTT34	Vi Việt	Hóa	19/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
35	CNTT35	Hoàng Quang	Hóa	28/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt
36	CNTT36	Nông Thị	Hoài	16/12/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,5	Đạt
37	CNTT37	Chu Văn	Hoan	15/11/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
38	CNTT38	Mạc Văn	Hội	09/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
39	CNTT39	Vi Mai	Hồng	20/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,0	5,5	Đạt
40	CNTT40	Triệu Bích	Hồng	07/08/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,5	Đạt
41	CNTT41	Lao Thành	Huân	28/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt
42	CNTT42	Lý Ngọc	Huế	06/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,0	Đạt
43	CNTT43	Hà Thị Ngọc	Huế	22/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,0	5,5	Đạt
44	CNTT44	Triệu Thị	Huế	06/07/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	6,0	Đạt
45	CNTT45	Hoàng Mạnh	Hùng	05/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
46	CNTT46	Triệu Hải	Huy	03/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
47	CNTT47	Hoàng Văn	Huy	03/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt

9h

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
48	CNTT48	Hoàng Thị	Huyền	18/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
49	CNTT49	Hoàng Thị	Huyền	18/10/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,0	6,0	Đạt
50	CNTT50	Nông Việt	Hưng	12/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
51	CNTT51	Luân Văn	Hưng	01/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
52	CNTT52	Hoàng Minh	Hương	18/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
53	CNTT53	Nông Thị Thu	Hương	14/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	Đạt
54	CNTT54	Mã Văn	Hường	06/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
55	CNTT55	Hoàng Văn	Kiên	28/02/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
56	CNTT56	Triệu Tùng	Khanh	17/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
57	CNTT57	Hà Tuấn	Khôi	29/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
58	CNTT58	Vy Văn	Khôi	18/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
59	CNTT59	Triệu Văn	Khởi	08/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
60	CNTT60	Nông Thị	Khuyên	26/06/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
61	CNTT61	Triệu Văn	Khuyên	13/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
62	CNTT62	Nông Văn	Lam	02/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
63	CNTT63	Lao Hoàng	Lâm	21/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt
64	CNTT64	Lý Quốc	Lâm	09/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt
65	CNTT65	Hoàng Xuân	Lập	15/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt
66	CNTT66	Hoàng Thị	Linh	27/07/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,0	Đạt
67	CNTT67	Phùng Thị Kim	Loan	21/10/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,0	Đạt
68	CNTT68	Hoàng Văn	Luân	08/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
69	CNTT69	Triệu Văn	Luân	23/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
70	CNTT70	Triệu Văn	Lưu	27/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
71	CNTT71	Triệu Thị	Lý	30/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	Đạt
72	CNTT72	Hoàng Văn	Mạnh	29/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
73	CNTT73	Hoàng Đức	Mạnh	06/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt
74	CNTT74	Hoàng Công	Năng	23/05/2000	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt
75	CNTT75	Hà Minh	Nghĩa	09/10/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt
76	CNTT76	Hoàng Văn	Ngọc	04/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt
77	CNTT77	Hà Văn Hải	Ngọc	15/01/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
78	CNTT78	Hoàng Trung	Nguyên	19/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt
79	CNTT79	Hà Thị Tuyết	Nhung	29/09/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,0	Đạt
80	CNTT80	Triệu Quốc	Oai	14/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
81	CNTT81	Lô Thế	Phong	26/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
82	CNTT82	Hoàng Văn	Phúc	29/12/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
83	CNTT83	Hoàng Văn	Phước	15/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt
84	CNTT84	Triệu Văn	Phương	28/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
85	CNTT85	Hoàng Sĩ	Quang	01/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
86	CNTT86	Hoàng Minh	Quân	28/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
87	CNTT87	Phùng Văn	Quyết	30/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
88	CNTT88	Vi Thị Thu	Quỳnh	21/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,0	Đạt
89	CNTT89	Nông Văn	Sự	12/12/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
90	CNTT90	Hoàng Văn	Tĩnh	13/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,0	Đạt
91	CNTT91	Hoàng Văn	Tính	05/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
92	CNTT92	Linh Trọng	Toàn	19/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,5	Đạt
93	CNTT93	Sầm Văn	Tôn	22/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
94	CNTT94	La Hoàng	Tú	31/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,0	Đạt
95	CNTT95	Nông Văn	Tuân	02/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
96	CNTT96	Triệu Văn	Tuân	01/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,5	Đạt
97	CNTT97	Hoàng Anh	Tuấn	02/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
98	CNTT98	Ngô Anh	Tuấn	22/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
99	CNTT99	Triệu Anh	Tuấn	13/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt
100	CNTT100	Vi Văn	Tùng	10/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt
101	CNTT101	Đàm Thanh	Tùng	04/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
102	CNTT102	Nông Thanh	Tùng	17/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
103	CNTT103	Hoàng Thị	Tuyển	05/02/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,0	Đạt
104	CNTT104	Hoàng Thị	Tuyển	02/04/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,0	6,0	Đạt
105	CNTT105	Triệu Minh	Tuyển	28/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
106	CNTT106	Hoàng Văn	Tự	14/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,5	Đạt
107	CNTT107	Triệu Văn	Thái	01/03/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
108	CNTT108	Triệu Văn	Thái	18/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
109	CNTT109	Hoàng Văn	Thành	24/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt
110	CNTT110	Hoàng Văn	Thân	27/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
111	CNTT111	La Thị	Thiều	22/03/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,5	Đạt
112	CNTT112	Hoàng Ngọc	Thiều	15/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt
113	CNTT113	Hoàng Quốc	Thịnh	17/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
114	CNTT114	Hoàng Quang	Thọ	07/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
115	CNTT115	Nông Bích	Thoa	13/01/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	6,0	Đạt
116	CNTT116	Hoàng Minh	Thoại	13/05/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt
117	CNTT117	Luân Văn	Thời	02/11/1999	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	7,5	Đạt
118	CNTT118	Hoàng Thị	Thương	24/09/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,0	Đạt
119	CNTT119	Hứa Xuân	Thường	08/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
120	CNTT120	Linh Văn	Thường	07/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
121	CNTT121	Triệu Văn	Thường	12/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
122	CNTT122	Triệu Đức	Thượng	04/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
123	CNTT123	Lương Thanh	Trà	21/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	Đạt
124	CNTT124	Hoàng Quốc	Việt	28/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
125	CNTT125	Linh Tuấn	Vinh	28/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
126	CNTT126	Triệu Thế	Vinh	18/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
127	CNTT127	Hoàng Quang	Vũ	12/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
128	CNTT128	Hoàng Tuấn	Vũ	15/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
129	CNTT129	Phùng Văn	Vượng	02/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
130	CNTT130	Trần Thị Thanh	Xuân	07/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,0	Đạt
131	CNTT131	Chu Thị Hồng	Cai	28/04/1974	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt
132	CNTT132	Hà Thị Kim	Chi	12/02/1993	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,5	Đạt
133	CNTT133	Đồng Sỹ	Cử	07/11/1969	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,5	Đạt
134	CNTT134	Triệu Thị	Đạt	13/08/1969	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	7,0	Đạt
135	CNTT135	Hoàng Văn	Hà	15/01/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	6,5	Đạt
136	CNTT136	Triệu Tuấn	Hải	16/09/1995	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	7,5	Đạt
137	CNTT137	Hoàng Khắc	Hiếu	16/03/1976	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	7,0	Đạt
138	CNTT138	Lành Thị	Huệ	10/10/1978	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt
139	CNTT139	Nguyễn Đình	Khánh	11/12/1975	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt
140	CNTT140	Lý Thị	Lan	02/11/1989	Hoà Bình	Nữ	Dao	7,0	7,5	Đạt
141	CNTT141	Nguyễn Thị	Nhung	16/12/1967	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	7,0	Đạt
142	CNTT142	La Văn	Phúc	19/04/1981	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,0	Đạt
143	CNTT143	Triệu Thị	Quy	25/08/1966	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	7,0	Đạt
144	CNTT144	Hoàng Thị	Thảo	01/11/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt
145	CNTT145	Lương Thùy	Trang	27/04/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt
146	CNTT146	Lăng Thị	Vĩnh	02/04/1970	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,5	Đạt
147	CNTT147	Hoàng Thị	Xuyến	24/07/1967	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	Đạt

26

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
148	CNTT148	Hứa Thị	Yên	12/04/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	6,5	Đạt
149	CNTT149	Hoàng Văn	Xuyên	11/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
150	CNTT150	Tô Hồng	Xuyên	13/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
151	CNTT151	Đàm Thị	An	12/08/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,0	Đạt
152	CNTT152	Chu Mai	Anh	01/01/1997	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	7,0	Đạt
153	CNTT153	Hứa Duy	Anh	16/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
154	CNTT154	Liễu Thái	Anh	14/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,0	5,5	Đạt
155	CNTT155	Nông Tuấn	Anh	20/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
156	CNTT156	Triệu Ngọc	Anh	07/11/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
157	CNTT157	Vy Ngọc	Anh	01/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
158	CNTT158	Lương Sơn	Bá	18/03/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
159	CNTT159	Tô Văn	Bằng	03/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
160	CNTT160	Lành Việt	Bảo	17/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,0	Đạt
161	CNTT161	Chu Thị	Bé	01/11/2003	Đăk Nông	Nữ	Nùng	5,5	6,0	Đạt
162	CNTT162	Hoàng Thị	Bé	16/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
163	CNTT163	Lăng Thị	Bích	07/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
164	CNTT164	Lăng Thị	Bích	04/11/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
165	CNTT165	Ma Thị	Biết	08/09/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,0	Đạt
166	CNTT166	Vi Văn	Chải	30/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
167	CNTT167	Chu Thị	Chi	25/01/2002	Lạng Sơn	Nữ	Sán Chỉ	5,5	5,5	Đạt
168	CNTT168	Hoàng Thị	Chiêng	06/07/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,0	Đạt
169	CNTT169	Nông Hải	Chiều	10/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
170	CNTT170	Triệu Văn	Chu	15/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,2	5,5	Đạt
171	CNTT171	Lương Văn	Cường	16/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
172	CNTT172	Phùng Văn	Cường	18/06/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt

th

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
173	CNTT174	Phạm Văn	Cường	30/10/1978	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,7	7,0	Đạt
174	CNTT175	Hoàng Thị	Đào	12/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	6,0	Đạt
175	CNTT176	Hoàng Quốc	Đạo	29/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
176	CNTT177	Lý Tiến	Đạt	26/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
177	CNTT178	Chu Văn	Dậu	10/01/2002	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt
178	CNTT179	Hoàng Thị	Điều	03/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,0	Đạt
179	CNTT180	Vi Văn	Định	07/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt
180	CNTT181	Nông Trần	Định	18/04/1983	Nam Định	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt
181	CNTT182	Hoàng Thành	Doanh	16/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,5	Đạt
182	CNTT183	Phùng Phương	Đông	04/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
183	CNTT184	Chu Văn	Đức	04/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,5	Đạt
184	CNTT185	Hoàng Anh	Đức	29/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
185	CNTT186	Hoàng Minh	Đức	23/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt
186	CNTT187	Lý Văn	Đức	20/06/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
187	CNTT188	Lương Minh	Đức	08/07/1974	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt
188	CNTT189	Dương Văn	Dũng	11/10/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
189	CNTT190	Đặng Trung	Dũng	08/12/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,0	Đạt
190	CNTT191	Hoàng Văn	Dương	27/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
191	CNTT192	Hoàng Văn	Dưỡng	22/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
192	CNTT193	Lộc Đức	Duy	06/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
193	CNTT194	Ngô Khánh	Duy	15/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	6,0	Đạt
194	CNTT195	Hoàng Thị	Duyên	06/09/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
195	CNTT196	Hoàng Thị	Duyên	10/01/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt
196	CNTT197	Hoàng Trường	Giang	18/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt
197	CNTT198	Lăng Thị	Giang	07/07/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
198	CNTT199	Lường Văn	Giang	11/02/2000	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
199	CNTT200	Ngô Hoàng	Giang	18/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
200	CNTT201	Triệu Lệ	Giang	08/07/2001	Hà Nội	Nữ	Nùng	5,5	6,5	Đạt
201	CNTT202	Vương Minh	Hải	16/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
202	CNTT203	Hoàng Vi	Hàng	28/05/2001	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,0	Đạt
203	CNTT205	Nguyễn Văn	Hậu	05/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
204	CNTT206	Hoàng Thị	Hiền	04/10/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,0	Đạt
205	CNTT207	Hùng Thị	Hiền	06/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,0	Đạt
206	CNTT208	Hoàng Văn	Hiếu	16/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt
207	CNTT209	Lương Văn	Hiếu	08/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
208	CNTT210	Phạm Minh	Hiếu	26/10/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	5,0	5,0	Đạt
209	CNTT211	Trần Minh	Hiếu	20/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
210	CNTT212	Hoàng Văn	Hiếu	22/10/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	6,0	Đạt
211	CNTT213	Hứa Thị	Hoa	28/06/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
212	CNTT214	Lương Văn	Hóa	14/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt
213	CNTT215	Triệu Thị	Hòa	02/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Dao	5,7	5,0	Đạt
214	CNTT216	Phùng Thị	Hòa	03/09/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	5,5	Đạt
215	CNTT217	Đặng Vũ	Hoàng	23/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
216	CNTT218	Thân Đức	Hoàng	10/04/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
217	CNTT219	Đặng Văn	Học	02/02/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt
218	CNTT220	Hoàng Thái	Học	24/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
219	CNTT221	Hà Văn	Hơn	01/06/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
220	CNTT222	Hà Văn	Hợp	17/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
221	CNTT223	Hoàng Văn	Huân	28/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
222	CNTT224	Tô Mạnh	Huân	18/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
223	CNTT225	Vy Mạnh	Huân	08/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
224	CNTT226	Bế Văn	Huân	11/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt
225	CNTT227	Nguyễn Văn	Huân	19/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,5	Đạt
226	CNTT228	Ấu Văn	Hùng	06/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
227	CNTT229	Vi Thị	Hương	18/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,5	Đạt
228	CNTT230	Nông Văn	Hướng	07/10/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
229	CNTT231	Hà Thị Thu	Hường	20/03/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	5,0	Đạt
230	CNTT232	Chu Quang	Huy	29/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
231	CNTT233	Dương Quốc	Huy	14/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt
232	CNTT234	Linh Quốc	Huy	30/07/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
233	CNTT235	Mạc Văn	Huy	24/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
234	CNTT236	Hoàng Thị	Huyền	02/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,0	5,5	Đạt
235	CNTT237	Nguyễn Thị	Huyền	28/07/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	5,0	Đạt
236	CNTT238	Luân Đức	Khải	01/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
237	CNTT239	Dịch Minh	Khánh	27/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
238	CNTT240	Sầm Văn	Khánh	25/05/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt
239	CNTT241	Trần Duy	Khánh	28/12/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
240	CNTT242	Triệu Văn	Khánh	24/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
241	CNTT243	Vi Ngọc	Khoa	26/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
242	CNTT244	Hoàng văn	Khởi	02/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
243	CNTT245	Hoàng Trung	Kiên	20/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt
244	CNTT246	Nông Thị	Kiều	08/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,0	Đạt
245	CNTT247	Nguyễn Hồng	Lâm	19/02/1990	Thái Nguyên	Nam	Kinh	7,7	7,0	Đạt
246	CNTT248	Lăng Thị	Lan	23/03/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	Đạt
247	CNTT249	Hoàng Thị Bích	Liên	06/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
248	CNTT250	Ma Thị	Liên	17/04/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	6,0	Đạt
249	CNTT251	Vi Hồng	Liên	11/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
250	CNTT252	Hà Kiều	Linh	27/06/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt
251	CNTT253	Hoàng Thị	Linh	20/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,0	Đạt
252	CNTT254	Nông Thị	Linh	12/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
253	CNTT255	Nguyễn Thị	Linh	03/06/1989	Hải Dương	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt
254	CNTT256	Hoàng Thị	Loan	03/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	6,0	Đạt
255	CNTT257	Vi Ngọc	Loan	16/05/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
256	CNTT258	Nguyễn Văn	Lương	13/05/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,0	Đạt
257	CNTT259	Triệu Văn	Lương	18/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
258	CNTT260	Nông Kim	Luyện	23/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	Đạt
259	CNTT261	Lường Tuyết	Mai	16/11/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,0	6,0	Đạt
260	CNTT262	Hoàng Đức	Minh	25/11/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt
261	CNTT263	Hoàng Văn	Minh	23/04/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
262	CNTT264	Lý Văn	Minh	28/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
263	CNTT265	Vi Văn	Minh	04/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
264	CNTT266	Đặng Thị	Múi	09/02/2000	Lạng Sơn	Nữ	Dao	5,5	6,0	Đạt
265	CNTT267	Vi Văn	Mừng	15/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
266	CNTT268	Hoàng Thị	Nga	25/03/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	Đạt
267	CNTT269	Lâm Thành	Nghĩa	20/08/2003	Lạng Sơn	Nam	H'Mông	5,5	6,0	Đạt
268	CNTT270	Lăng Văn	Nghĩa	20/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
269	CNTT271	Chu Văn	Nghiệp	13/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
270	CNTT272	Hứa Thị	Nghiệp	01/08/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,0	Đạt
271	CNTT273	Từ Thị Bích	Ngọc	19/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,0	Đạt
272	CNTT274	Vi Thị	Ngọc	02/11/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
273	CNTT275	Vy Thị Ngọc	24/05/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,0	Đạt
274	CNTT276	Chu Đức Nguyên	15/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt
275	CNTT277	Hoàng Thị Nguyệt	26/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,0	Đạt
276	CNTT278	Hoàng Thị Bích Nguyệt	25/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,0	Đạt
277	CNTT279	Hoàng Văn Nhất	08/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Sán Chi	5,0	6,0	Đạt
278	CNTT280	Hứa Thị Linh Nhi	12/08/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
279	CNTT281	Hoàng Thị Hồng Nhung	12/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,0	Đạt
280	CNTT282	Thân Thị Minh Nhung	15/04/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
281	CNTT283	Hoàng Đức Niên	02/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
282	CNTT284	Lường Văn Nông	29/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt
283	CNTT285	Nông Kim Oanh	09/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
284	CNTT286	Hà Chí Ôn	24/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
285	CNTT287	Dương Thần Phong	07/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt
286	CNTT288	Lý Hoàng Phúc	14/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
287	CNTT289	Vì Đức Phương	29/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
288	CNTT290	Chu Thị Pinh	06/03/2000	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,5	Đạt
289	CNTT291	Đặng Văn Quân	04/07/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
290	CNTT292	Hoàng Văn Quốc	26/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
291	CNTT293	Lý Văn Quốc	16/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt
292	CNTT294	Đường Ngọc Quý	17/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
293	CNTT295	Hoàng Thị Quý	28/01/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt
294	CNTT296	Chu Văn Quyên	03/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,5	Đạt
295	CNTT297	Triệu Văn Quyết	12/04/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
296	CNTT298	Hoàng Văn Sang	12/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt
297	CNTT299	Chu Đức Sơn	10/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
298	CNTT300	Nguyễn Hồng	Son	03/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
299	CNTT301	Trương Hồ	Son	22/04/1961	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,0	7,0	Đạt
300	CNTT302	Hứa Thị	Sương	28/06/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
301	CNTT303	Dương Công	Tài	16/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
302	CNTT304	Lương Thị	Tâm	06/10/2001	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,0	Đạt
303	CNTT305	Ngô Thị	Tâm	09/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Mông	6,0	6,0	Đạt
304	CNTT306	Lý Văn	Thắm	14/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Sán Chi	5,0	5,5	Đạt
305	CNTT307	Hứa Cao	Thắng	11/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
306	CNTT308	Hùng Văn	Thắng	01/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
307	CNTT309	Bế Thị	Thanh	15/08/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,0	Đạt
308	CNTT310	Hoàng Thị	Thanh	12/10/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
309	CNTT311	Triệu Phúc	Thanh	01/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,0	5,5	Đạt
310	CNTT313	La Văn	Thành	02/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt
311	CNTT314	Lăng Văn	Thành	11/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
312	CNTT315	Nguyễn Thị	Thành	04/09/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,0	Đạt
313	CNTT316	Tôn Văn	Thành	25/09/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
314	CNTT317	Hoàng Thị	Thảo	23/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,5	Đạt
315	CNTT318	Ngô Thị	Thảo	14/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,0	Đạt
316	CNTT319	Hoàng Thị	Thên	18/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,0	Đạt
317	CNTT320	Lâm Văn	Thiếu	25/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
318	CNTT321	Vi Thị	Thoa	04/01/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,5	Đạt
319	CNTT322	Hoàng Như	Thuần	15/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
320	CNTT323	Dương Thị	Thương	28/01/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,5	Đạt
321	CNTT324	Lý Thân	Thương	16/05/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
322	CNTT325	Phan Mạnh	Thường	18/05/1979	Nam Định	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt

9/2

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
323	CNTT326	Chu Thị	Thúy	27/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,0	Đạt
324	CNTT327	Hoàng Thị	Thúy	01/07/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt
325	CNTT328	Nông Thị	Thúy	18/10/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,0	Đạt
326	CNTT329	Lương Thị	Thùy	06/03/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	Đạt
327	CNTT330	Tôn Thu	Thủy	20/03/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
328	CNTT331	Vi Thị Thu	Thủy	06/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt
329	CNTT332	Dương Thị	Tiến	25/07/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	Đạt
330	CNTT334	Lương Văn	Tiếp	20/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
331	CNTT335	Hoàng Văn	Tĩnh	02/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
332	CNTT336	Hoàng Văn	Tĩnh	11/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
333	CNTT337	Triệu Văn	Tĩnh	28/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,0	5,5	Đạt
334	CNTT338	Lương văn	Toàn	24/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt
335	CNTT339	Lô Văn	Toàn	19/05/1989	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	7,5	Đạt
336	CNTT340	Lăng Đức	Tôn	08/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
337	CNTT341	Lăng Văn	Tôn	03/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt
338	CNTT342	Đinh Thùy	Trang	08/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,0	Đạt
339	CNTT343	Tạ Quốc	Triệu	21/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	5,0	Đạt
340	CNTT344	Lê Trương	Trung	05/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
341	CNTT346	Vi Văn	Trưởng	22/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt
342	CNTT347	Vi Văn	Trưởng	11/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
343	CNTT348	Dương Mạnh	Tú	02/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,0	5,5	Đạt
344	CNTT349	Hoàng Xuân	Tú	04/05/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
345	CNTT350	Nông Anh	Tú	30/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
346	CNTT351	Trần Anh	Tú	05/02/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
347	CNTT352	Vi Thị	Tú	08/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
348	CNTT353	Âu Viết	Tuấn	14/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
349	CNTT354	Đặng Hiếu	Tuấn	02/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,7	6,5	Đạt
350	CNTT355	Lâm Quốc	Tuấn	30/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt
351	CNTT357	Hoàng Văn	Tùng	19/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
352	CNTT358	Ngô Thế	Tường	02/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
353	CNTT359	Lê Văn	Tường	08/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
354	CNTT360	Chu Thị	Tý	21/05/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,0	Đạt
355	CNTT361	Vi Văn	Ước	30/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt
356	CNTT362	Vi Thế	Văn	18/07/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
357	CNTT363	Lâm Văn	Vàng	27/09/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt
358	CNTT364	Triệu Đức	Việt	19/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
359	CNTT365	Hoàng Quang	Vinh	01/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
360	CNTT366	Vi Văn	Vinh	20/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
361	CNTT367	Đoàn Tuấn	Vũ	16/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,0	5,0	Đạt
362	CNTT368	Lê Văn	Vũ	26/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
363	CNTT369	Nông Tuấn	Vũ	02/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
364	CNTT370	Lâm Thị	Yến	22/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
365	CNTT371	Lăng Bảo	An	25/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
366	CNTT372	Triệu Việt	Bắc	21/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
367	CNTT373	Lâm Văn	Bảo	11/07/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
368	CNTT374	Vy Thanh	Bình	30/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
369	CNTT375	Hứa Minh	Cao	12/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
370	CNTT376	Chu Văn	Cường	16/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt
371	CNTT377	Phùng Văn	Cường	22/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,5	Đạt
372	CNTT378	Đàm Quang	Chi	13/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt

2/2

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
373	CNTT379	Nguyễn Văn Chiến	09/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt
374	CNTT380	Đặng Văn Dũng	14/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt
375	CNTT381	Hoàng Minh Dũng	20/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
376	CNTT382	Liễu Tiến Dũng	23/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
377	CNTT383	Nguyễn Trung Dũng	19/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
378	CNTT385	Hứa Tuấn Đạt	03/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
379	CNTT386	Ngụy Công Đình	01/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt
380	CNTT387	Lương Văn Định	25/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
381	CNTT388	Hứa Văn Hậu	11/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
382	CNTT389	Hoàng Thế Anh	12/10/1979	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,0	Đạt
383	CNTT390	Vi Đức Cao	21/01/1980	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,5	Đạt
384	CNTT391	Nông Thị Diễm	25/02/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	Đạt
385	CNTT392	Dương Khánh Dung	19/12/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	Đạt
386	CNTT393	Hoàng Công Hưng	27/04/1990	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,7	7,0	Đạt
387	CNTT394	Hoàng Thị Khoa	28/12/1972	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	7,0	Đạt
388	CNTT395	Hoàng Thanh Liêm	02/02/1986	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	8,0	Đạt
389	CNTT396	Trương Văn Minh	14/08/1971	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	8,0	Đạt
390	CNTT397	Nông Hải Ninh	20/10/1976	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt
391	CNTT398	Nguyễn Thị Thạch	03/09/1976	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,5	Đạt
392	CNTT399	Chu Thị Thiều	26/08/1972	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,5	Đạt
393	CNTT400	Hoàng Văn Hiện	16/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,5	Đạt
394	CNTT401	Hoàng Đức Hiệp	13/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
395	CNTT402	Hà Huy Hiệu	29/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
396	CNTT403	Trần Đức Hiệu	18/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,0	Đạt
397	CNTT404	Hoàng Văn Hình	09/03/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
398	CNTT405	Hứa Văn	Hoàng	16/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
399	CNTT406	Lương Minh	Huấn	29/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt
400	CNTT407	Đàm Quốc	Huy	08/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
401	CNTT408	Hứa Văn	Huy	21/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
402	CNTT409	Vy Đức	Huy	11/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
403	CNTT410	Lộc Quang	Hưng	10/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
404	CNTT411	Nông Trung	Kiên	14/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
405	CNTT413	Lăng Quốc	Khánh	29/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
406	CNTT414	Lương Trọng	Khôi	04/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
407	CNTT415	Chu Ngọc	Lan	05/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,0	Đạt
408	CNTT416	Chu Phương	Lịch	26/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt
409	CNTT417	Tô Thúy	Linh	10/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt
410	CNTT418	Lộc Thị	Loan	06/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	Đạt
411	CNTT419	Nông Bích	Loan	28/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt
412	CNTT420	Ngô Thị	Loan	06/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,0	Đạt
413	CNTT421	Lý Hiền	Long	19/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
414	CNTT422	Mã Văn	Luận	02/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
415	CNTT423	Lăng Thị	Nga	19/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	Đạt
416	CNTT424	Triệu Đại	Nghĩa	12/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt
417	CNTT425	Lô Đức	Nhân	26/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
418	CNTT426	Nông Hoàng	Nhân	12/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
419	CNTT427	Mã Văn	Nhuận	11/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
420	CNTT428	Nông Trung	Phi	19/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
421	CNTT429	Hoàng Minh	Phúc	25/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt
422	CNTT430	Hoàng Minh	Phương	20/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
423	CNTT431	Hoàng Thế Phương	17/11/2004	Làng Sơn	Nam	Tây	5.2	5.5	Đạt
424	CNTT432	Hoàng Văn	04/07/2004	Làng Sơn	Nam	Tây	5.2	5.0	Đạt
425	CNTT433	Đàm Văn Quốc	22/07/2004	Làng Sơn	Nam	Nùng	5.0	5.0	Đạt
426	CNTT434	Nguyễn Đình Sang	11/08/2004	Làng Sơn	Nam	Tây	5.5	5.0	Đạt
427	CNTT435	Lưu Bà Sơn	23/07/2004	Làng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.0	Đạt
428	CNTT436	Đàm Quang Tầm	08/04/2004	Làng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.0	Đạt
429	CNTT437	Hoàng Minh Tầm	31/01/2004	Làng Sơn	Nam	Nùng	5.5	6.0	Đạt
430	CNTT438	Hoàng Văn Tầm	05/05/2004	Làng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt
431	CNTT439	Hoàng Văn Tiên	29/09/2004	Làng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.0	Đạt
432	CNTT440	Lộc Minh Tiên	21/11/2004	Làng Sơn	Nam	Tây	5.0	5.5	Đạt
433	CNTT441	Lương Quang Tiên	31/07/2004	Làng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.0	Đạt
434	CNTT442	Hứa Xuân Tinh	21/07/2003	Làng Sơn	nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt
435	CNTT443	Hứa Thanh Toàn	09/11/2004	Làng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt
436	CNTT444	Hoàng Quốc Toàn	08/02/2004	Làng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.0	Đạt
437	CNTT445	Ma Đức Tôn	28/06/2004	Làng Sơn	Nam	Tây	5.2	5.5	Đạt
438	CNTT446	Hứa Văn Tu	18/01/2004	Làng Sơn	Nam	Nùng	5.0	5.0	Đạt
439	CNTT447	Nguyễn Quốc Tu	28/03/2004	Làng Sơn	Nam	Tây	5.0	6.0	Đạt
440	CNTT448	Hoàng Đức Tuấn	10/04/2004	Làng Sơn	Nam	Tây	5.5	5.5	Đạt
441	CNTT449	Nguyễn Quốc Tuấn	28/03/2004	Làng Sơn	Nam	Tây	5.0	5.0	Đạt
442	CNTT450	Mặc Thanh Tùng	09/07/2004	Làng Sơn	Nam	Kinh	5.5	5.5	Đạt
443	CNTT451	Nguyễn Thanh Tùng	01/06/2004	Làng Sơn	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt
444	CNTT452	Hoàng Văn Tuyển	26/04/2004	Làng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt
445	CNTT453	Nông T. Thanh Tuyết	08/11/2004	Làng Sơn	Nữ	Nùng	5.0	5.5	Đạt
446	CNTT454	Bé Mạnh Tường	09/09/2004	Làng Sơn	Nam	Tây	5.2	5.5	Đạt
447	CNTT455	Tô Thị Tỷ	08/09/2004	Làng Sơn	Nữ	Nùng	5.5	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
448	CNTT456	Chu Tiến	Thành	16/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,5	Đạt
449	CNTT457	Hoàng Văn	Thân	10/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
450	CNTT458	Nông Đức	Thịnh	25/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
451	CNTT459	Hoàng Văn	Thuận	15/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt
452	CNTT460	Lộc Minh	Thức	23/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
453	CNTT461	Dương Thị	Trang	19/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
454	CNTT462	Lý Công	Trình	30/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt
455	CNTT463	Nông Đức	Trung	03/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
456	CNTT464	Triệu Thị	Văn	21/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,5	Đạt
457	CNTT465	Vương Thị	Viện	13/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,0	Đạt
458	CNTT466	Âu Thị	Xuân	30/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,5	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 458./.

Bắc Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng thi

Thư ký



ThS. Đỗ Thị Huyền



Nguyễn Ngọc Quang